

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH ĐẮK LẮK
V/v phê duyệt đơn giá thiết kế các công trình nông lâm nghiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND&UBND được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;
 - Căn cứ Pháp lệnh giá số: 40/2002/PL-UBTVQH10 ngày 26/4/2002 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
 - Căn cứ Quyết định số: 1366/NN-TCCB-QĐ ngày 16/9/1997 của Bộ nông nghiệp - Phát triển nông thôn về việc ban hành kinh tế kỹ thuật quy hoạch rừng;
 - Căn cứ Quyết định số: 11/2004/QĐ-BXD ngày 15/4/2005 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức chi phí lập dự án và thiết kế xây dựng công trình;
 - Căn cứ Quyết định số: 63/2004/QĐ-UB ngày 01/10/2004 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về quản lý giá tại địa phương;
- Xét đề nghị của liên ngành: Tài chính, Nông nghiệp - Phát triển nông thôn tại Tờ trình số: 578/TT-LS ngày 09 tháng 6 năm 2005,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành đơn giá thiết kế các công trình nông - lâm nghiệp như phụ lục đính kèm.

Giá thiết kế quy định trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng theo luật định.

Điều 2: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp - Phát triển nông thôn và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 2.
- CT, PCT UBND tỉnh.
- Đ/c Quang - PCVP.
- Lưu VT, TM, NL.(13b)

TM/ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN LẠNG

PHỤ LỤC
VỀ ĐƠN GIÁ THIẾT KẾ CÁC CÔNG TRÌNH NÔNG - LÂM NGHIỆP
(Ban hành kèm Quyết định số: 1061/QĐ-UB ngày 16 tháng 6 năm 2005 của UBND tỉnh Đắk Lắk)



STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Đơn giá	Ghi chú
1	Thiết kế khai thác chọn rừng tự nhiên			
	- Khối lượng: > 1000 m ³	đồng/m ³	44.000	
	- Khối lượng: ≤ 1000 m ³		48.400	
2	Thiết kế khai thác gỗ quý hiếm (IIa)	đồng/m ³	80.000	
3	TKKT và đóng búa bài cây gỗ tận dụng	đồng/m ³		
	- Khối lượng: > 1000 m ³ .	-	38.000	
	- Khối lượng: ≤ 1000 m ³ .	-	43.000	
4	TKKT và đóng búa bài cây gỗ tận thu	đồng/m ³		
	- Khối lượng: > 1000 m ³ .	-	28.000	
	- Khối lượng: ≤ 1000 m ³ .	-	30.800	
5	Phúc tra hiện trạng rừng và đất rừng (mức độ 3)			
	- Khối lượng: > 1000 ha.	đồng/ha	100.000	
	- Khối lượng: từ 500-1000 ha.	-	110.000	
	- Khối lượng: < 500 ha.	-	120.000	
6	Thiết kế trồng rừng và trồng cây công nghiệp	đồng/ha		
	- Khối lượng: > 100 ha.	-	151.000	
	- Khối lượng: ≤ 100 ha.	-	166.000	
7	Xây dựng phương án điều chế rừng	đồng/ha	20.000	
8	Thiết kế nuôi dưỡng rừng	đồng/ha	146.000	
9	Đo đạc xây dựng bản đồ hoàn công	đồng/ha	67.000	
10	Lập dự án đầu tư các công trình nông - lâm nghiệp	%		Tính theo % giá trị xây lắp và thiết bị theo Quyết định số: 11/2005/QĐ-BXD, ngày 15/04/2005